

I. Mục tiêu:

1) Kiến thức

- Học sinh biết đọc các biểu đồ phần trăm : dạng cột , ô vuông , hình quạt .

2) Kỹ năng

- Có kỹ năng dựng các biểu đồ phần trăm dạng cột , ô vuông .

3) Thái độ

- Có ý thức tìm hiểu các biểu đồ phần trăm trong thực tế và dựng các biểu đồ phần trăm với số liệu thực tế .

II. Bảng mô tả và hệ thống câu hỏi:

III. Định hướng hình thành và phát triển năng lực:

- Hình thành và phát triển năng lực tư duy logic cho học sinh.
- Năng lực quan sát, hợp tác hoạt động nhóm, tái hiện kiến thức.

IV . Chuẩn bị:

1) Chuẩn bị của giáo viên:\ bảng phụ,biểu đồ phần trăm dạng cột. Thước kẻ

2) Chuẩn bị của học sinh :Thước , bảng nhóm, compa, giấy kẻ ô vuông

V. Phương pháp: Gợi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm

VI .Hoạt động dạy học:

1) Ổn định tình hình lớp(1p):Điểm danh số học sinh trong lớp

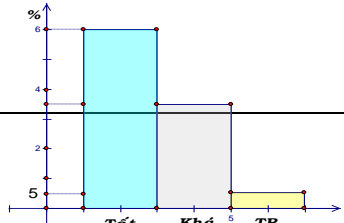
2) Kiểm tra bài cũ: 6ph

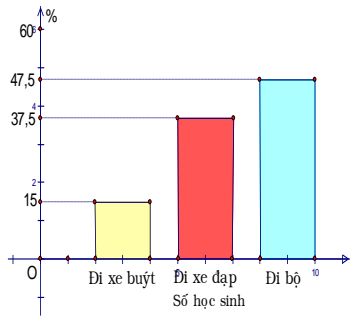
| Câu hỏi | Dự kiến phương án trả lời |
|--|--|
| <p>Một trường học có 800 học sinh . Số học sinh đạt hạnh kiểm tốt là 480 em , số học sinh đạt hạnh kiểm khá bằng $\frac{7}{12}$ số học sinh đạt hạnh kiểm tốt , còn lại là học sinh trung bình .</p> <p>a. Tính số học sinh đạt hạnh kiểm khá, trung bình</p> <p>b. Tính tỉ số phần trăm mỗi loại .</p> | <p>a. Tính được K 280 hs , TB 40 hs</p> <p>b. Tỉ số phần trăm của HS đạt hạnh kiểm tốt :60%</p> <p>Tỉ số phần trăm của HS đạt hạnh kiểm khá :35%</p> <p>Tỉ số phần trăm của HS đạt hạnh kiểm trung bình : 5%</p> |

Nhận

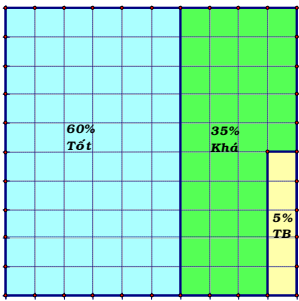
xét:

3) Giảng bài mới : Giới thiệu bài (1ph) : Để nêu bậc và so sánh một cách trực quan các giá trị phần trăm của cùng một đại lượng người ta dùng biểu đồ phần trăm . Biểu đồ phần trăm thường được dựng dưới dạng cột , ô vuông. như vậy ta có thể dựng biểu đồ phần trăm với bài tập trên như thế nào ?

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | NỘI DUNG |
|--|--|---|
| HĐ1 . Biểu đồ phần trăm – 15’ | | |
| <p>- Giới thiệu hình 13 yêu cầu HS tìm hiểu :</p> <p>- Tia thẳng đứng ghi gì ?</p> <p>- Tia nằm ngang ghi gì ?</p> | <p>- Quan sát hình và tìm hiểu</p> <p>- Ghi số phần trăm</p> <p>- Ghi các loại hạnh kiểm</p> | <p>1.Biểu đồ phần trăm Xem SGK</p>  |

| <p>- Phân tích và lưu ý cho HS :</p> <p>+ Trên tia thẳng đứng bắt đầu từ gốc O , các số phải ghi theo tỉ lệ bằng nhau .</p> <p>+ Các cột có chiều cao bằng tỉ số phần trăm tương ứng .</p> <p>+ Các cột có màu hoặc kí hiệu khác nhau biểu thị các loại hạnh kiểm khác nhau .</p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận nhóm [?2]</p> <p>-Thu bảng nhóm và nhận xét kết quả</p> <p>- Hướng dẫn học sinh dựng biểu đồ</p> | <p>- Chú ý theo dõi</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>Kq : số học sinh đi xe buýt : 15% đi xe đạp : 37,5% đi bộ : 47,5%</p> | <p>[?2]</p>  <table border="1"> <caption>Số học sinh đi học theo phương tiện</caption> <thead> <tr> <th>Phương tiện</th> <th>Tỉ lệ (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đi xe buýt</td> <td>15%</td> </tr> <tr> <td>Đi xe đạp</td> <td>37,5%</td> </tr> <tr> <td>Đi bộ</td> <td>47,5%</td> </tr> </tbody> </table> | Phương tiện | Tỉ lệ (%) | Đi xe buýt | 15% | Đi xe đạp | 37,5% | Đi bộ | 47,5% |
|--|---|---|-------------|-----------|------------|-----|-----------|-------|-------|-------|
| Phương tiện | Tỉ lệ (%) | | | | | | | | | |
| Đi xe buýt | 15% | | | | | | | | | |
| Đi xe đạp | 37,5% | | | | | | | | | |
| Đi bộ | 47,5% | | | | | | | | | |

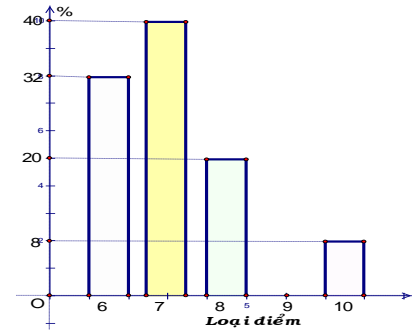
HD2 . Biểu đồ phần trăm dạng ô vuông – 10'

| | | |
|---|---|---|
| <p>- Treo tranh biểu đồ dạng ô vuông</p>  <p>- Trên biểu đồ có tất cả bao nhiêu ô vuông nhỏ ?</p> <p>- Mỗi ô vuông biểu thị bao nhiêu phần trăm ?</p> <p>- Số học sinh đạt hạnh kiểm tốt ứng với bao nhiêu phần trăm ?</p> <p>-Yêu cầu HS thực hiện bài tập 149 .</p> | <p>- Quan sát tranh vẽ</p> <p>- Có tất cả 100 ô vuông nhỏ</p> <p>- Mỗi ô vuông biểu thị 1%</p> <p>60% ứng với 60 ô vuông nhỏ</p> <p>- Cả lớp thực hiện trên giấy kẻ sẵn ô vuông</p> | <p>2. Biểu đồ phần trăm dạng ô vuông</p> <p align="center">(Xem SGK)</p> |
|---|---|---|

HD4 . Củng cố - 10'

- Treo bảng phụ nội dung bài 150
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm nhỏ

- Thảo luận nhóm nhỏ và nêu kết quả :
 - a. 8% bài đạt điểm 10
 - b. Loại điểm 7 là nhiều nhất
 - c. Tổng số bài của lớp 6C :
 $16 : 32\% = 50$ bài



4) Dẫn dò học sinh chuẩn bị cho tiết học tiếp theo .2ph

- Nắm vững cách đọc các biểu đồ phần trăm theo số liệu và ghi chú trên bản đồ .
- Vẽ được biểu đồ % dạng cột và dạng Ô vuông .
- BTVN : 151 , 152 , 153 SGK .
- Nghiên cứu thêm các dạng bài tập tương tự SBT .

VII . Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

.....

I. Mục tiêu:**1. Kiến thức**

- Rèn cho HS tính tỉ số phần trăm, đọc, vẽ biểu đồ phần trăm dạng cột và dạng ô vuông

2. Kỹ năng

- Trên cơ sở số liệu thực tế, dựng các biểu đồ phần trăm

3. Thái độ

- Giáo dục tính cẩn thận; có ý thức vươn lên trong học tập

II. Bảng mô tả và hệ thống câu hỏi:**III. Định hướng hình thành và phát triển năng lực:**

- Hình thành và phát triển năng lực tư duy logic cho học sinh.
- Năng lực quan sát, hợp tác hoạt động nhóm, tái hiện kiến thức.

IV. Chuẩn bị:

1) Chuẩn bị của giáo viên: \ bảng phụ, biểu đồ phần trăm dạng cột. Thước kẻ

2) Chuẩn bị của học sinh: Thước, bảng nhóm, compa, giấy kẻ ô vuông

V. Phương pháp: Gọi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm

VI. Hoạt động dạy học:

1. Ổn định tình hình lớp: (1ph) : Kiểm tra sĩ số lớp – Chuẩn bị kiểm tra bài cũ

2. Kiểm tra bài cũ: (6 phút)

| Câu hỏi | Dự kiến phương án trả lời |
|----------------------|--|
| Giải bài tập 152 SGK | <p>Các trường PT ở nước ta năm 98 – 99: $13076 + 8583 + 1641 = 13300$</p> <p>Trường Tiểu học chiếm : $\frac{13076}{23300} \cdot 100\% = 56\%$</p> <p>Trường THCS chiếm : $\frac{8583}{23300} \cdot 100\% = 37\%$</p> <p>Trường THPT chiếm : $\frac{1641}{23300} \cdot 100\% = 7\%$</p> |

-Giới thiệu bài (1ph) : Để củng cố kỹ năng tính tỉ số phần trăm, đọc các biểu đồ phần trăm, vẽ biểu đồ phần trăm dạng cột và dạng ô vuông chúng ta qua tiết học hôm nay.

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | NỘI DUNG |
|--|---|--|
| HĐ1 . Luyện tập – 20' | | |
| <p>Bài 151 SGK.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc đề</p> <p>- Để tính tỉ số phần trăm từng thành phần của bê tông trước hết ta cần tính điều gì ?</p> <p>- Khối lượng của bê tông được tính như thế nào ?</p> | <p>- HS.Y đọc đề</p> <p>- Ta cần tính khối lượng của bê tông</p> <p>- Khối lượng của bê tông bằng tổng khối lượng xi măng, cát, sỏi</p> | <p>Bài 151 SGK.</p> <p>a. Tỷ số phần trăm của từng thành phần</p> <p>Khối lượng của bê tông</p> <p>$1 + 2 + 6 = 9$ tạ</p> <p>Tỉ số phần trăm của xi măng</p> |

| | | |
|---|--|---|
| <p>- Yêu cầu HS giải bài tập vào vở</p> <p>- Goi.HS.TB lên bảng trình bày</p> <p>- Sau khi tính % cát , xi măng ta có cách nào tính phần trăm của sỏi một cách nhanh nhất không ?</p> <p>Bài 152 tr 61-SGK</p> <p>- Yêu cầu HS đọc đề</p> <p>- Muốn dựng biểu đồ biểu diễn các tỉ số trên ta cần làm gì?</p> <p>- Yêu cầu HS thực hiện, gọi lần lượt HS tính.</p> <p>- Hướng dẫn học sinh thực hiện dựng biểu đồ hình cột</p> <p>- Gọi HSK dựng biểu đồ biểu diễn các tỉ số trên</p> | <p>- HS.TB lên bảng trình bày</p> <p>- Ta tính : $100\% - (11\% + 22\%) = 67\%$</p> <p>- HS.Y đọc đề</p> <p>- Ta cần tìm tổng số các trường phổ thông của nước ta, tính các tỉ số rồi dựng biểu đồ.</p> <p>- HS.K vẽ biểu đồ hình cột.</p> | <p>$\frac{1}{9} \cdot 100\% \approx 11\%$</p> <p>Tỉ số phần trăm của cát : $\frac{1}{9} \cdot 100\% \approx 22\%$</p> <p>Tỉ số phần trăm của sỏi : $\frac{6}{9} \cdot 100\% \approx 67\%$</p> <p>b) Dựng biểu đồ σ vuông</p> <p>Bài 152 tr 61-SGK</p> |
|---|--|---|

HD2 . Bài tập củng cố - 16'

| | | |
|--|--|---|
| <p>Bài toán: Lớp 6A có 50 học sinh . Trong học kì I vừa qua lớp có 4 học sinh giỏi , 16 học sinh khá và 9 học sinh trung bình . Dựng biểu đồ hình cột biểu thị kết quả trên .</p> <p>- Muốn dựng biểu đồ ta cần tìm những số liệu nào ?</p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận và trình bày kết quả trên bảng nhóm</p> <p>- Thu kết quả nhóm và nhận xét .</p> <p>- Qua biểu đồ trên ta có nhận xét gì về kết quả học tập của lớp trong học kì I ?</p> <p>- Em có suy nghĩ gì về kết quả học tập của lớp và em có lời</p> | <p>- HS đọc đề</p> <p>- Ta tính tỉ lệ phần trăm mỗi loại học sinh</p> <p>- Thảo luận nhóm và trình bày kết quả trên bảng nhóm (5')</p> <p>- Kết quả học tập của lớp còn thấp :Tỉ lệ học sinh giỏi thấp , học sinh yếu cao</p> <p>Nêu suy nghĩ về kết quả tập</p> | <p>Số học sinh giỏi chiếm : $\frac{4.100}{50} \% = 8\%$</p> <p>Số học sinh khá chiếm : $\frac{16.100}{50} \% = 32\%$</p> <p>Số học sinh yếu chiếm : $\frac{9.100}{50} \% = 18\%$</p> <p>Số học sinh trung bình chiếm 100% -(8% + 32% + 18%) = 42%</p> <p>Biểu đồ ...</p> |
|--|--|---|

khuyến gì gởi đến tập thể lớp ?

- **Bài 150 (61SGK)**

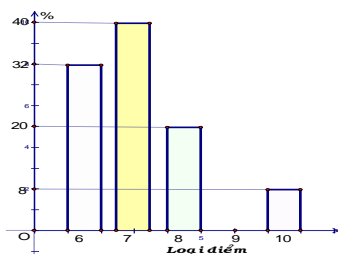
- Đưa hình 16 lên bảng

- Yêu cầu HS dựa vào biểu đồ để trả lời câu hỏi

- Gọi từng HS trả lời từng câu hỏi ở bài tập.

của lớp

- Quan sát hình 16 trên bảng tham gia xây dựng bài



- Lần lượt trả lời

Bài 150 (tr 61SGK)

+ Có 8 % bài đạt điểm 10.

+ Điểm 7 là nhiều nhất chiếm 40%.

+ Tỷ lệ bài đạt điểm 9 là 0%

+ Có 16 bài đạt điểm 6 , chiếm 32% tổng số bài .

Tổng số bài là :

$$16 : \frac{32}{100} = 16 \cdot \frac{100}{32} = 50$$

4) Dặn dò học sinh chuẩn bị cho tiết học tiếp theo .1ph

- Xem kĩ lại bài tập đã giải . BTVN : bài 151 .Nghiên cứu thêm các bài tập SBT .

I.V Rút kinh nghiệm và bổ sung:

.....

.....

.....

.....

TIẾT 106. ÔN TẬP CHƯƠNG III

I. Mục tiêu

1, Kiến thức

- Ôn tập về phân số, so sánh phân số, các phép tính về phân số, tính chất của các phép toán.

2, Kĩ năng

- Rèn kĩ năng vận dụng các kiến thức trên vào làm các dạng bài tập: Rút gọn phân số, so sánh phân số, tính giá trị của biểu thức, tìm x.
- Rèn khả năng so sánh, phân tích, tổng hợp.

3. Thái độ:

- Giáo dục tính cẩn thận ;có ý thức vươn lên trong học tập

II. Chuẩn bị

- GV: Bảng phụ ghi bài tập
- HS: Ôn tập chương III

III. Định hướng hình thành và phát triển năng lực:

- Hình thành và phát triển năng lực tư duy logic cho học sinh.

IV. Tiến trình dạy học

1, Ôn định tổ chức: (1 phút).

2, Kiểm tra bài cũ:

3, Bài mới:

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | Nội dung |
|---|----------------------------|--|
| Hoạt động 1: Ôn tập khái niệm phân số, tính chất cơ bản của phân số. (17 phút). | | |
| ? HS đọc đề bài 154/SGK? | HS đọc đề bài 154/SGK | I- <u>Ôn tập khái niệm phân số, tính chất cơ bản của phân số:</u> <u>Bài 154/SGK:</u> a/ $\frac{x}{3} < 0 \Rightarrow x < 0$ b/ $\frac{x}{3} = 0 \Rightarrow x = 0$ c/ $0 < \frac{x}{3} < 1 \Rightarrow \frac{0}{3} < \frac{x}{3} < \frac{3}{3}$ $\Rightarrow x \in \{ 1; 2 \}$ d/ $\frac{x}{3} = 1 \Rightarrow x = 3$ e/ $1 \leq \frac{x}{3} \leq 2 \Rightarrow \frac{3}{3} \leq \frac{x}{3} \leq \frac{6}{3}$ $\Rightarrow x \in \{ 3; 4; 5; 6 \}$ <u>Bài 155/SGK:</u> $\frac{-12}{16} = \frac{-6}{8} = \frac{9}{12} = \frac{21}{28}$ |
| ? 2HS lên bảng trình bày bài? | 2HS lên bảng trình bày bài | |
| ? Nhận xét bài làm? | Nhận xét bài làm | |
| ? HS đọc đề bài 155/SGK? | HS đọc đề bài 155/SGK | |
| ? 2 HS lên bảng điền số? | | |

| | | |
|--|---|---|
| <p>? Nêu các kiến thức đã sử dụng trong bài ?</p> <p>? Ngồi ra cịn áp dụng tính chất cơ bản của phân số để làm gì?</p> <p>? 2 HS lên bảng làm bài 56/SGK?</p> <p>? Muốn rút gọn phân số ta làm như thế nào?</p> <p>? Thế nào là phân số tối giản?</p> <p>? HS đọc đề bài 158/SGK?</p> <p>? 2 HS lên bảng làm 2 câu?</p> <p>? Nhận xét bài làm? Nêu các kiến thức đã sử dụng trong bài?</p> <p>? Nêu quy tắc so sánh 2 phân số?</p> <p>? Ngồi ra cịn cách nào khác không?</p> | <p>2 HS lên bảng điền số.</p> <p>Sử dụng tính chất cơ bản của phân số.</p> <p>- Rút gọn phân số.</p> <p>- Quy đồng mẫu các phân số .</p> <p>- Nêu quy tắc rút gọn phân số.</p> <p>- Nêu định nghĩa phân số tối giản.</p> <p>HS1: Làm câu a</p> <p>HS 2: Làm câu b.</p> <p>HS nêu cách làm khác.</p> | <p><u>Bài 156/SGK:</u></p> <p>Rút gọn:</p> <p>a/ $\frac{7.25 - 49}{7.24 + 21} = \frac{7.(25 - 7)}{7.(24 + 3)} = \frac{18}{27} = \frac{2}{3}$</p> <p>b/ $\frac{2.(-13).9.10}{(-3).4.(-5).26}$</p> <p>$= \frac{2.(-13).(-3).(-3).(-5).(-2)}{(-3).4.(-5).(-13).(-2)} = \frac{-3}{2}$</p> <p><u>Bài 158/SGK:</u></p> <p>So sánh:</p> <p>a/ $\frac{3}{-4} = \frac{-3}{4}; \frac{-1}{-4} = \frac{1}{4}$</p> <p>$\Rightarrow \frac{-3}{4} < \frac{1}{4} \Rightarrow \frac{3}{4} < \frac{-1}{-4}$</p> <p>b/ * C₁: $\frac{15}{17} = \frac{405}{459}; \frac{25}{27} = \frac{425}{459}$</p> <p>$\Rightarrow \frac{405}{459} < \frac{425}{459} \Rightarrow \frac{15}{17} < \frac{25}{27}$</p> <p>* C₂: $\frac{15}{17} = 1 - \frac{2}{17};$</p> <p>$\frac{2}{17} > \frac{2}{27} \Rightarrow 1 - \frac{2}{17} < 1 - \frac{2}{27}$</p> <p>$\frac{15}{17} < \frac{25}{27}$</p> |
|--|---|---|

Hoạt động 2: Các phép tính về phân số. (25 phút).

| | | |
|---|--|---|
| <p>? Nêu các phép tính về phân số và tính chất cơ bản của phép cộng và phép nhân phân số?</p> <p>? HS đọc đề bài 161/SGK?</p> <p>? Nêu thứ tự thực hiện các</p> | <p>HS trả lời miệng.</p> <p>HS đọc đề bài 161/SGK.</p> | <p>II- <u>Các phép tính về phân số</u></p> <p><u>Bài 161/SGK:</u></p> <p>Tính giá trị của biểu thức:</p> <p>$A = -1,6 : \left(1 + \frac{2}{3}\right) = \frac{-16}{10} : \frac{5}{3}$</p> <p>$= \frac{-8}{5} \cdot \frac{3}{5} = \frac{-24}{25}$</p> |
|---|--|---|

| | | |
|--|---|---|
| <p>phép tính trong từng biểu thức?</p> <p>? 2 HS lên bảng làm bài?</p> <p>? Yêu cầu HS hoạt động nhằm làm bài 162/a- SGK?</p> <p>? Đại diện nhóm trình bày bài, các nhóm khác nhận xét, GV chữa bài?</p> | <p>Trong ngoặc → nhân, chia → cộng, trừ.</p> <p>2 HS lên bảng làm bài</p> <p>+ HS 1: Tính giá trị biểu thức A</p> <p>+ HS 2: Tính giá trị biểu thức B</p> <p>HS hoạt động nhằm làm bài 162/a- SGK:</p> $(2,8x-32) : \frac{2}{3} = -90$ $\Rightarrow \frac{28}{10}x - 32 = -90 \cdot \frac{2}{3}$ $\Rightarrow \frac{14}{5}x = -60 + 32$ $\Rightarrow x = -28 : \frac{4}{5} = -28 \cdot \frac{5}{4} = -10$ | $B = 1,4 \cdot \frac{15}{49} - \left(\frac{4}{5} + \frac{2}{3} \right) : 2\frac{1}{5}$ $= \frac{14}{10} \cdot \frac{15}{49} - \left(\frac{12+10}{15} \right) : \frac{11}{5}$ $= \frac{21}{49} - \frac{22}{15} \cdot \frac{5}{11} = \frac{3}{7} - \frac{2}{3} = \frac{-5}{21}$ |
|--|---|---|

4, Hướng dẫn về nhà. (2 phút).

- GV chốt lại nội dung kiến thức đã ôn tập.
- Học bài, ôn tập tiếp các kiến thức chương III; ba dạng toán cơ bản về phân số.
- Làm bài tập: 157 đến 163/SGK.

V. Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

.....